

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2008/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2008

## QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề,  
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề  
“Kỹ thuật sơn mài và khảm trai”**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

*Căn cứ Luật dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định về việc ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề “Kỹ thuật sơn mài và khảm trai”;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề: “Kỹ thuật sơn mài và khảm trai”.

Trên cơ sở Bộ chương trình khung nói trên, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng xác định, tổ chức thẩm định và duyệt chương trình dạy nghề áp dụng cho trường mình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường

đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng cho nghề “Kỹ thuật sơn mài và khảm trai” và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

## CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 26/2008/QĐ-BLĐTBXH

ngày 04 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Kỹ thuật sơn mài và khảm trai

Mã nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: - Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

- Tốt nghiệp Trung học cơ sở và tương đương, có bổ sung văn hóa Trung học phổ thông theo Quyết định Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành;

Số lượng môn học và mô-đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề.

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được cách chuẩn bị dụng cụ, nguyên, vật liệu dùng trong nghề sơn mài và khảm trai.

+ Trình bày được công dụng, cấu tạo, phương pháp sử dụng các dụng cụ sơn mài và khảm trai.

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật sơn mài.

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật khảm trai.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo dụng cụ gia công nền sơn mài và khảm trai.

+ Sử dụng hợp lý các loại nguyên, vật liệu vào từng loại sản phẩm.

+ Sửa chữa được các dụng cụ sơn mài và khảm trai khi bị hư hỏng.

+ Gia công được một số sản phẩm sơn mài đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật.

+ Khảm được các loại sản phẩm: Hoa văn trang trí, hoa lá cây cảnh, con giống và người đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật.

+ Sửa chữa được những sai hỏng của sản phẩm khảm trai, sơn mài khi gia công.

+ Vẽ được theo mẫu và gia công hoàn chỉnh được sản phẩm khảm trai và sơn mài.

+ Tính toán được giá thành sản phẩm sơn mài và khắc trai.

1.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Chấp hành chủ trương, đường lối và pháp luật của Nhà nước.

+ Trong lao động có lương tâm nghề nghiệp.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Học sinh phải đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực cấp I.

+ Việc rèn luyện thân thể phải phù hợp với đặc trưng lao động.

**2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu**

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo (năm): 1,5 năm.

- Thời gian học tập (tuần): 68 tuần.

- Thời gian thực học tối thiểu (h): 2299 h.

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 200 h; trong đó thi tốt nghiệp: 48 h.

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210h

- Thời gian học các môn học, mô-đun đào tạo nghề: 2089 h

+ Thời gian học bắt buộc: 1594 h;  
Thời gian học tự chọn: 495 h

+ Thời gian học lý thuyết: 351 h; Thời gian học thực hành: 1738 h.

**3. Danh mục môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian; đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc**

3.1. Danh mục môn học, mô - đun đào tạo nghề bắt buộc

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
I	Các môn học chung			210	130	80
MH 01	Môn học Chính trị	I	I	30	30	0

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MH 02	Môn học Pháp luật	I	I	15	15	0
MH 03	Môn học Giáo dục thể chất	I	I	30	25	5
MH 04	Môn học Giáo dục quốc phòng	I	I	45	10	35
MH 05	Môn học Tin học	I	I	30	10	20
MH 06	Môn học Ngoại ngữ (Anh văn)	I	I + II	60	40	20
II	Các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc			1594	276	1318
II.1	Các môn học, mô-đun kỹ thuật cơ sở			225	123	102
MH 07	Vẽ mỹ thuật	I	I + II	120	30	90
MH 08	Vật liệu gỗ	I	I + II	45	33	12
MH 09	An toàn lao động	I	I	30	30	0
MH 10	Quản lý sản xuất	II	IV	30	30	0
II.2	Các môn học, mô-đun chuyên môn nghề			1369	153	1216
MĐ 01	Chuẩn bị dụng cụ, nguyên, vật liệu sơn mài	I	I	49	9	40
MĐ 02	Pha chế sơn	I	I	135	15	120
MĐ 03	Làm vóc	I	I + II	243	15	228
MĐ 04	Vẽ sơn mài truyền thống	I	II	235	15	220
MĐ 05	Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu khảm trai	II	III	57	9	48

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ 06	Khâm hoa văn trang trí	II	III	75	15	60
MĐ 07	Khâm hoa lá, cây cảnh	II	III	144	24	120
MĐ 08	Khâm con giống	II	III	158	18	140
MĐ 09	Khâm kiến trúc	II	III	135	15	120
MĐ 10	Khâm người	II	III	81	9	72
MĐ 11	Trang sức sản phẩm khâm traoi	II	III	57	9	48
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1804</b>	<b>406</b>	<b>1398</b>

3.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1A và phụ lục 2A).

#### 4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐTCN để xác định chương trình dạy nghề

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

Trong CTK trình độ Trung cấp nghề Kỹ thuật sơn mài và khâm trai đã thiết kế tổng số giờ thực học tối thiểu là: 2299 h; trong đó 210 h là các môn học chung theo quy định của Tổng cục dạy nghề - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 1594 h dành cho các môn học,

mô-đun đào tạo nghề bắt buộc và 495 h (LT: 75 h; TH: 420 h) của các mô-đun đào tạo nghề tự chọn. Các trường cần căn cứ vào điều kiện thực tế đào tạo của cơ sở mình và thực tiễn nhu cầu lao động tại địa phương và các vùng lân cận để lựa chọn các mô-đun tự chọn trong số 13 mô-đun ở mục 4.2 cho phù hợp với chương trình đào tạo nghề.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các mô-đun đào tạo nghề tự chọn: thời gian, phân bố thời gian và đề cương chi tiết chương trình mô-đun đào tạo nghề tự chọn

4.2.1. Danh mục mô-đun đào tạo nghề tự chọn và phân bố thời gian

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Lý thuyết	Thực hành
Vẽ sơn mài - Phần tự chọn		II	III	620	60	560
MĐ 18	Vẽ tranh sơn mài tứ quý bốn mùa - Phần tự chọn			155	15	140
MĐ 19	Vẽ tranh sơn mài tứ linh - Phần tự chọn			155	15	140
MĐ 20	Vẽ tranh sơn mài tứ bình - Phần tự chọn			155	15	140
MĐ 21	Vẽ tranh sơn mài tổ nữ - Phần tự chọn			155	15	140
Khảm hoa văn trang trí - Phần tự chọn		II	III	225	27	198
MĐ 22	Khảm hạt trang trí - Phần tự chọn			75	9	66
MĐ 23	Khảm gấm - Phần tự chọn			75	9	66
MĐ 24	Khảm chiện - Phần tự chọn			75	9	66
Khảm hoa lá cây cảnh - Phần tự chọn		II	III	150	18	132
MĐ 25	Khảm hoa lá - Phần tự chọn			75	9	66
MĐ 26	Khảm cây cảnh - Phần tự chọn			75	9	66
Khảm con giống - Phần tự chọn		II	III	230	30	200
MĐ 27	Khảm con giống thuộc loài chim - Phần tự chọn			115	15	100
MĐ 28	Khảm con giống thuộc loài thú - Phần tự chọn			115	15	100

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Lý thuyết	Thực hành
Khám kiến trúc - Phần tự chọn		II	III	150	18	132
MĐ 29	Khám chùa - Phần tự chọn			75	9	66
MĐ 30	Khám đền - Phần tự chọn			75	9	66
Tổng cộng				1375	153	1222

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn:

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 3A).

4.3. Hướng dẫn xác định chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường:

- Các môn học đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính, nội dung chi tiết của bài từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

- Các mô-đun đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính của bài từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết

nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các mô-đun đào tạo nghề tự chọn:

Các mô-đun tự đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính của từng bài, từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô-đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp

4.5.1. Kiểm tra kết thúc môn học

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết.

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 8 h.



## 4.5.2. Thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 h

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động ngoại khóa

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh. Sử dụng 05 ngày cho các học viên đi tham quan học tập tại một số cơ sở sản xuất chế biến gỗ, các cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ khám trai.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

4.7. Các chú ý khác:

- Khi các trường lựa chọn xong các môn học/mô-đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học/mô-đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

## CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 26/2008/QĐ-BLĐTBXH

ngày 04 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Kỹ thuật sơn mài và Khảm trai

Mã nghề:

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

Số lượng môn học và mô-đun đào tạo: 46

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề.

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được cách chuẩn bị dụng cụ, nguyên, vật liệu dùng trong nghề sơn mài và khảm trai.

+ Trình bày được công dụng, cấu tạo, phương pháp sử dụng các dụng cụ sơn mài và khảm trai.

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật sơn mài.

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật khảm trai.

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật gia công sản phẩm sơn mài và khảm trai cao cấp.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo dụng cụ gia công sơn mài và khảm trai.

+ Sử dụng hợp lý các loại nguyên, vật liệu vào từng loại sản phẩm.

+ Sửa chữa được các dụng cụ sơn mài và khảm trai khi bị hư hỏng.

+ Khảm được các loại sản phẩm: Hoa văn trang trí, hoa lá cây cảnh, con giống, kiến trúc và người đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật.

+ Gia công được một số sản phẩm sơn mài đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật.

+ Sửa chữa được những sai hỏng của sản phẩm sơn mài, khảm trai khi gia công.

+ Tự vẽ mẫu và gia công được hoàn chỉnh một số sản phẩm sơn mài, khảm trai cao cấp.

+ Tiếp thị và tính toán được giá thành của một sản phẩm sơn mài và khảm trai.

+ Tự tổ chức, quản lý được một tổ sản xuất, một ca sản xuất.

1.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Chấp hành chủ trương, đường lối và pháp luật của Nhà nước.

+ Trong lao động có lương tâm nghề nghiệp.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Học sinh phải đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực cấp I.

+ Việc rèn luyện thân thể phải phù hợp với đặc trưng lao động.

**2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu**

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo (năm): 2,5 năm

- Thời gian học tập (tuần): 108 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu (h): 3644 h

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 320 h; trong đó thi tốt nghiệp: 60 h.

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 h

- Thời gian học các môn học, mô-đun đào tạo nghề: 3194 h

+ Thời gian học bắt buộc: 2400 h;  
Thời gian học tự chọn: 794 h

+ Thời gian học lý thuyết: 468 h; Thời gian học thực hành: 2726 h.

**3. Danh mục môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian; đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc**

3.1. Danh mục môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (h)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
I	Các môn học chung			450	270	180
MH 01	Chính trị	I	I + II	90	90	0

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (h)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MH 02	Pháp luật	I	I	30	30	0
MH 03	Giáo dục thể chất	I	I + II	60	15	45
MH 04	Giáo dục quốc phòng	I	I	75	15	60
MH 05	Tin học	I	I + II	75	30	45
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	I	I + II	120	90	30
II	Các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc			2400	378	2022
II.1	Các môn học, mô-đun kỹ thuật cơ sở			315	165	150
MH 07	Vẽ mỹ thuật	I	I + II	180	45	135
MH 08	Vật liệu gỗ	I	I + II	60	45	15
MH 09	An toàn lao động	I	I	30	30	0
MH 10	Quản lý sản xuất	II	IV	45	45	0
II.2	Các môn học, mô-đun chuyên môn nghề			2085	213	1872
MĐ 01	Chuẩn bị dụng cụ, nguyên, vật liệu sơn mài	I	I	49	9	40
MĐ 02	Pha chế sơn	I	I	135	15	120
MĐ 03	Làm vóc	I	I + II	243	15	228
MĐ 04	Vẽ sơn mài truyền thống	I	II	235	15	220
MĐ 05	Vẽ sơn mài khác	II	III	244	24	220
MĐ 06	Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu khảm trai	II	III	57	9	48

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (h)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ 07	Khảm hoa văn trang trí	II	III	75	15	60
MĐ 08	Khảm hoa lá, cây cảnh	II	III	144	24	120
MĐ 09	Khảm con giống	II	III	158	18	140
MĐ 10	Khảm kiến trúc	II	III	135	15	120
MĐ 11	Khảm người	II	III	81	9	72
MĐ 12	Trang sức sản phẩm khảm trai	II	III	57	9	48
MĐ 13	Khảm hoa văn trang trí - Nâng cao	II	IV	74	6	68
MĐ 14	Khảm hoa lá, cây cảnh - Nâng cao	II	IV	98	6	92
MĐ 15	Khảm con giống - Nâng cao	II	IV	109	9	100
MĐ 16	Khảm kiến trúc - Nâng cao	II	IV	66	6	60
MĐ 17	Khảm người - Nâng cao	II	IV	125	9	116
	Tổng cộng			2850	648	2202

3.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc (Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1B và phụ lục 2B).

#### 4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐCĐN để xác định chương trình dạy nghề

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

Trong CTK trình độ Cao đẳng nghề Kỹ thuật sơn mài và khảm trai đã thiết kế tổng số giờ thực học tối thiểu là: 3644 h; trong đó 450 h là các môn học chung theo quy định của Tổng cục Dạy nghề - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội 2400 h dành cho các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc và 794 h (LT: 90 h; TH: 704 h) của các mô-đun

đào tạo nghề tự chọn. Các trường cần căn cứ vào điều kiện thực tế đào tạo của cơ sở mình và thực tiễn nhu cầu lao động tại địa phương và các vùng lân cận để lựa chọn các mô-đun tự chọn trong số 19 mô-đun ở mục 4.2 cho phù hợp với chương trình đào tạo nghề.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các mô-đun đào tạo nghề tự chọn: thời gian, phân bố thời gian và đề cương chi tiết chương trình mô-đun đào tạo nghề tự chọn

#### 4.2.1. Danh mục mô-đun đào tạo nghề tự chọn và phân bố thời gian

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (h)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Lý thuyết	Thực hành
	Vẽ sơn mài - Phần tự chọn	III	V	620	60	560
MĐ 18	Vẽ tranh sơn mài tứ quý bốn mùa - Phần tự chọn			155	15	140
MĐ 19	Vẽ tranh sơn mài tứ linh - Phần tự chọn			155	15	140
MĐ 20	Vẽ tranh sơn mài tứ bình - Phần tự chọn			155	15	140
MĐ 21	Vẽ tranh sơn mài tổ nữ - Phần tự chọn			155	15	140
	Khảm hoa văn trang trí - Phần tự chọn	III	V	225	27	198
MĐ 22	Khảm hạt trang trí - Phần tự chọn			75	9	66
MĐ 23	Khảm găm - Phần tự chọn			75	9	66
MĐ 24	Khảm chiện - Phần tự chọn			75	9	66
	Khảm hoa lá cây cảnh - Phần tự chọn	III	V	150	18	132
MĐ 25	Khảm hoa lá - Phần tự chọn			75	9	66
MĐ 26	Khảm cây cảnh - Phần tự chọn			75	9	66

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (h)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Lý thuyết	Thực hành
Khảm con giống - Phần tự chọn		III	V	230	30	200
MĐ 27	Khảm con giống thuộc loài chim - Phần tự chọn			115	15	100
MĐ 28	Khảm con giống thuộc loài thú - Phần tự chọn			115	15	100
Khảm kiến trúc - Phần tự chọn		III	V	150	18	132
MĐ 29	Khảm chùa - Phần tự chọn			75	9	66
MĐ 30	Khảm đền - Phần tự chọn			75	9	66
Khảm người - Phần tự chọn		III	V	278	30	248
MĐ 31	Khảm người mẫu cổ - Phần tự chọn			139	15	124
MĐ 32	Khảm người mẫu đương đại - Phần tự chọn			139	15	124
Xen lọng - Phần tự chọn		III	V	620	60	560
MĐ 33	Xen lọng các họa tiết hoa lá cây cảnh - Phần tự chọn			155	15	140
MĐ 34	Xen lọng họa tiết con giống - Phần tự chọn			155	15	140
MĐ 35	Xen lọng họa tiết kiến trúc - Phần tự chọn			155	15	140
MĐ 36	Xen lọng họa tiết người - Phần tự chọn			155	15	140
Tổng cộng				2273	243	2030

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn:

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 3B).

4.3. Hướng dẫn xác định chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường:

- Các môn học đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính, nội dung chi tiết của bài từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

- Các mô-đun đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính của bài từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các mô-đun đào tạo nghề tự chọn:

Các mô-đun tự đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính của từng bài, từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô-đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp

4.5.1. Kiểm tra kết thúc môn học

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 8 h.

4.5.2. Thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 h

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động ngoại khóa

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh. Sử dụng 05



ngày cho các học viên đi tham quan học tập tại một số cơ sở sản xuất chế biến gỗ, các cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ sơn mài và khám trai. môn học/mô-đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học/mô-đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

#### 4.7. Các chú ý khác:

- Khi các trường lựa chọn xong các

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc